

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 98/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09-6-2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Kiệt.

Ông Nguyễn Văn Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hồng L1, sinh năm 1983 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 4, ấp T, xã t, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Thế L2, sinh năm 1981 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 4, ấp T, xã t, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng L1 trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L1 và anh Huỳnh Thế L2 tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, anh chị có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 04/9/2003 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G (nay huyện T), tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L2 thường xuyên ăn nhậu và cờ bạc, đồng thời anh L2

cũng thường xuyên đánh đập chị L1. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L1 yêu cầu được ly hôn với anh L2.

- Về con chung: Chị L1 và anh L2 có 02 con chung là cháu Huỳnh Thị Thanh T, sinh ngày 08/11/2004 đã thành viên và cháu Huỳnh Thị Xuân N, sinh ngày 20/3/2012. Chị L1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và chưa yêu cầu anh L2 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị L1 không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Huỳnh Thế L2 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, chưa gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L1.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị L1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh L2 vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L1. Về con chung: Giao cháu N cho chị L1 nuôi dưỡng, anh L2 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng L1 yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Thế L2 và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh L2 có nơi cư trú tại ấp Tân Hưng, xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Xét thấy nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng L1 có yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn anh Huỳnh Thế L2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị L1, anh L2.

[3] Về hôn nhân: Chị L1 và anh L2 chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Tân Thới, huyện Gò Công Tây (nay là huyện Tân Phú Đông), tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày 04/9/2003 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị L1 trình bày giữa chị và anh L2 xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được nên chị L1 yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ, Tòa án triệu tập anh L2 để trình bày ý kiến và tham gia phiên hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh L2 đều vắng mặt. Điều đó cho thấy anh L2 không phản đối yêu cầu của chị L1, không có thiện chí và nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa anh L2 và chị L1 không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị L1 và anh L2 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L1 là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị L1 và anh L2 có 02 con chung là cháu Huỳnh Thị Thanh T, sinh ngày 08/11/2004 đã thành viên và cháu Huỳnh Thị Xuân N, sinh ngày 20/3/2012. Hiện tại cháu N đang sống chung với chị L1. Khi ly hôn, chị L1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Hội đồng xét xử thấy rằng, để không thay đổi môi trường sống, tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu N nên cần thiết giao cháu cho chị L1 được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với chị L1. Anh L2 được quyền thăm nom con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị L1 chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L1 trình bày anh chị không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị L1 là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Hồng L1, chị L1 được ly hôn với anh Huỳnh Thế L2.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Xuân N, sinh ngày 20/3/2012 cho chị Phạm Thị Hồng L1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Huỳnh Thế L2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L2 có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng L1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L1 đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008497 ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên chị L1 đã nộp xong án phí.

Anh Huỳnh Thế L2 không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L1, anh L2 vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã T;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm